

Cao Bằng, ngày 11 tháng 11 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần C.III - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Ngày thi: 21/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Nông Thị Huyền My	8,00	Tám
2	Hoàng Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	8,00	Tám
3	Lôi Thị Chao	8,00	Tám	43	Lý Thị Mùi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Trần Huệ Chi	7,00	Bảy	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
5	Đàm Quang Chiến	7,50	Bảy phẩy năm	45	Nông Thị Ngâm	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	8,00	Tám	46	Dương Thị Nghiệp	8,00	Tám
7	Đàm Đức Dũng		Không đủ đk	47	Nguyễn Thị Nhã	8,25	Tám phẩy hai năm
8	Phạm Ngọc Diệp		Không đủ đk	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	7,00	Bảy	49	Ma Thị Oanh	8,25	Tám phẩy hai năm
10	Lã Thị Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Lý Thị Phúc	8,00	Tám
11	Đinh Văn Giáp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Ngô Thị Phụng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Thị Ngân Hà	8,00	Tám	52	Hoàng Hải Quý	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,50	Bảy phẩy năm	53	Phùng Thị Quỳnh	8,00	Tám
14	Nông Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	54	Nông Công Sỹ	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Phạm Thị Tài	7,00	Bảy
16	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	56	Chu Văn Tình	7,00	Bảy
17	Đỗ Thị Hằng	8,00	Tám	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	7,00	Bảy	58	Nông Quốc Thắng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,00	Bảy	59	Nguyễn Thị Thuận	8,00	Tám
20	Lục Minh Hiền	8,00	Tám	60	Lục Xuân Trường	7,00	Bảy
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Hoàng Thị Hoan	7,50	Bảy phẩy năm	62	Mã Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
23	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	63	La Thị Minh Thứ	7,00	Bảy
24	Vũ Thị Hồng	7,00	Bảy	64	Lại Thị Minh Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Đông Thanh Huệ	8,00	Tám	65	Nông Bích Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Ngân Thị Hương	7,00	Bảy	66	Bé Thị Thanh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
27	Vũ Thị Lan Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	67	Lăng Thị Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,50	Bảy phẩy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Nông Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
30	Lý Ánh Hoàng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Lương Quang Tuấn	8,25	Tám phẩy hai năm
31	Lục Đức Khánh		Thôi học	71	Nguyễn Thị Tuyền	7,25	Bảy phẩy hai năm
32	Lục Thị Kiều	6,50	Sáu phẩy năm	72	Nông Thị Tuyết	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bế Xuân Vinh	8,00	Tám
34	Nông Thị Diệu Linh	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Hoàng Trường Vương	7,50	Bảy phẩy năm
35	Phan Khánh Linh	8,00	Tám	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,50	Bảy phẩy năm
36	Phan Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nguyễn Hải Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Liên	8,00	Tám	77	Đàm Thị Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Nông Thị Thúy Lưu	8,00	Tám	78	Trần Thị Bạch Yến	7,00	Bảy
39	Đình Thị Lụa	8,00	Tám	79	Lương Thị Hải Yến	7,00	Bảy
40	Hà Vũ Mạnh	7,00	Bảy	80	Triệu Kim Ngân (K03)	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 7,00: 16 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 13 điểm; Điểm 8,00: 21 điểm; Điểm 8,25: 06 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ
NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa